

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VP-TTXX
V/v giải trình, làm rõ nguyên
nhân giảm điểm, giảm thứ
hạng chỉ số thành phần PCI
Quảng Ngãi năm 2024, đề
xuất nhiệm vụ và giải pháp để
tăng điểm và nâng cao thứ
hạng chỉ số thành phần PCI
Quảng Ngãi trong năm 2025
và những năm tiếp theo

Quảng Ngãi, ngày tháng 5 năm 2025

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ các Quyết định: Số 838/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 và Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025; số 125/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, thương mại, du lịch tỉnh Quảng Ngãi thuộc Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Phương án tổng thể số 01-PA/TU ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tỉnh ủy sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị của tỉnh, định hướng sắp xếp tổ chức, bộ máy cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Văn phòng UBND tỉnh kính đề nghị quý cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 838/QĐ-UBND và kết quả PCI Quảng Ngãi các năm 2023, 2024 do VCCI công bố (*có Phụ lục I và Dữ liệu PCI các năm 2023, 2024 kèm theo*), khẩn trương giải trình, làm rõ các nguyên nhân giảm điểm, giảm thứ hạng (kể cả nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan), đề xuất nhiệm vụ và giải pháp để tăng điểm và nâng cao thứ hạng đối với các chỉ tiêu do cơ quan, đơn vị chủ trì trong từng chỉ số thành phần PCI trong năm 2025 và những năm tiếp theo, gửi về cơ quan, đơn vị được giao làm đầu mối chỉ số thành phần (*có Phụ lục 2 kèm theo*) **trước ngày 17/5/2025** để tổng hợp. Các cơ quan, đơn vị được giao làm đầu mối chỉ số thành phần trên cơ sở báo cáo các đơn vị gửi, tổng hợp phân tích, đánh giá từng chỉ số thành phần làm đầu mối, gửi Văn phòng UBND tỉnh **trước ngày 23/5/2025** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh kính đề nghị quý cơ quan, đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPUB: CVP, PCVP, các P. chuyên môn;
- Cổng TTĐT Văn phòng;
- Lưu: VT, TTXT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Huỳnh Thị Phương Hoa

Phụ lục I
KẾT QUẢ CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI QUẢNG NGÃI
CÁC NĂM 2023, 2024

(Kèm theo Công văn số: /VP-TTXX ngày /5/2025 của
 Văn phòng UBND tỉnh)

TT	Chỉ số thành phần	Năm 2023				Năm 2024				Năm 2024 so với năm 2023		
		Trọng số	Điểm số		Thứ hạng	Trọng số	Điểm số		Thứ hạng	Điểm số (+, -)		Thứ hạng (+, -)
			Không trọng số	Có trọng số			Không trọng số	Có trọng số		Không trọng số	Có trọng số	
1	Gia nhập thị trường	5%	8,20	0,41	1	5%	8,34	0,42	11	+0,14	+0,01	-10
2	Tiếp cận đất đai	10%	6,97	0,70	20	10%	5,82	0,58	60	-1,15	-0,12	-40
3	Tính minh bạch	5%	5,56	0,28	51	5%	6,04	0,30	55	+0,48	+0,02	-4
4	Chi phí thời gian	5%	8,01	0,40	19	5%	7,28	0,36	40	-0,73	-0,04	-21
5	Chi phí không chính thức	15%	7,34	1,10	16	15%	6,62	0,99	41	-0,72	-0,11	-25
6	Cạnh tranh bình đẳng	10%	6,43	0,64	12	10%	5,48	0,55	48	-0,95	-0,09	-36
7	Tính năng động của chính quyền tỉnh	15%	6,34	0,95	51	15%	6,56	0,98	19	+0,22	+0,03	+32
8	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	15%	5,12	0,77	58	15%	7,33	1,10	26	+2,21	+0,33	+32
9	Đào tạo lao động	10%	5,75	0,57	34	10%	6,45	0,64	29	+0,7	+0,07	+5
10	Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự	10%	7,53	0,75	31	10%	7,02	0,70	54	-0,51	-0,05	-23
Tổng số		100%	67,25	65,76	43	100%	66,93	66,36	45	-0,32	+0,6	-2

Ghi chú: Tăng (+), giảm (-).

Qua bảng điểm và thứ hạng các chỉ số thành phần PCI năm 2024 so với năm 2023 (*không trọng số*): Có 05 chỉ số tăng điểm, trong đó: Có 03 chỉ số tăng điểm và tăng thứ hạng, 02 chỉ số tăng điểm nhưng giảm thứ hạng; 05 chỉ số giảm điểm và giảm thứ hạng, cụ thể:

- 03 chỉ số tăng điểm và tăng thứ hạng:

+ Tính năng động của chính quyền tỉnh: Tăng 0,22 điểm và tăng 32 bậc thứ hạng (từ thứ hạng 51 lên thứ hạng 19);

+ Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: Tăng 2,21 điểm và tăng 32 bậc thứ hạng (từ thứ hạng 58 lên thứ hạng 26);

+ Đào tạo lao động: Tăng 0,7 điểm và tăng 05 bậc thứ hạng (từ thứ hạng 34 lên thứ hạng 29).

- 02 chỉ số tăng điểm nhưng giảm thứ hạng:

+ Gia nhập thị trường: Tăng 0,14 điểm nhưng giảm 10 bậc thứ hạng (từ thứ hạng 01 xuống thứ hạng 11);

+ Tính minh bạch: Tăng 0,48 điểm nhưng giảm 04 bậc thứ hạng (từ thứ hạng 51 xuống thứ hạng 55).

- 05 chỉ số giảm điểm và giảm thứ hạng:

- + Tiếp cận đất đai: Giảm 1,15 điểm và giảm 40 bậc thứ hạng (từ thứ hạng 20 xuống thứ hạng 60);
- + Chi phí thời gian: Giảm 0,73 điểm và giảm 21 bậc thứ hạng (từ thứ hạng 19 xuống thứ hạng 40);
- + Chi phí không chính thức: Giảm 0,72 điểm và giảm 25 bậc thứ hạng (từ thứ hạng 16 xuống thứ hạng 41).
- + Cạnh tranh bình đẳng: Giảm 0,95 điểm và giảm 36 bậc thứ hạng (từ thứ hạng 12 xuống thứ hạng 48);
- + Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự: Giảm 0,51 điểm và giảm 23 bậc thứ hạng (từ thứ hạng 31 xuống thứ hạng 54).

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ GIAO LÀM ĐẦU MỐI CHỈ SỐ
THÀNH PHẦN PCI

(Kèm theo Công văn số: /VP-TTXX ngày /5/2025 của
Văn phòng UBND tỉnh)

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI
01	Gia nhập thị trường	Sở Tài chính
02	Tiếp cận đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường
03	Tính minh bạch	Sở Khoa học và Công nghệ
04	Chi phí thời gian	Văn Phòng UBND tỉnh
05	Chi phí không chính thức	Thanh tra tỉnh
06	Cạnh tranh bình đẳng	Sở Tài chính
07	Tính năng động của chính quyền tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh
08	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Sở Công thương
09	Đào tạo lao động	Sở Nội vụ
10	Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự	Tòa án nhân dân tỉnh